

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Phan Xuân Phồn

GIÁO TRÌNH

VĂN HỌC TRẺ EM

(Dùng cho ngành GD Mầm non – hệ đào tạo từ xa)

Vinh, 2011

LỜI GIỚI THIỆU

Văn học trẻ em là bộ phận trọng yếu trong chương trình giáo dục của sinh viên ngành GD Mầm non. Cuốn sách được biên soạn với nguyên tắc vừa là giáo trình, vừa được mở rộng dưới hình thức tài liệu tham khảo. Hy vọng cuốn sách sẽ giúp ích phần nào cho học viên trong việc học tập môn học này.

Do trình độ của người biên soạn còn hạn chế, cuốn tài liệu này không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong được sự góp ý của các bạn đồng nghiệp và anh chị em học viên.

Các tác giả.

MỞ ĐẦU

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC TRẺ EM

I- Đại cương về văn học trẻ em.

1. Khái niệm: Văn học trẻ em là những sáng tác do các em viết và do các nhà văn chuyên nghiệp viết cho các em, bao gồm những tác phẩm có mặt trong văn học truyền miệng của dân tộc cho tới những tác phẩm hiện đại, gồm cả những tác phẩm trong nước và ngoài nước.

2. Các bộ phận cấu thành:

Văn học trẻ em gồm hai bộ phận lớn:

- Văn học dân gian trẻ em.
- Văn học viết trẻ em

Trong mỗi bộ phận lại có 2 loại tác phẩm:

- + Những sáng tác cho trẻ em.
- + Những sáng tác của trẻ em.

3. Đặc trưng thơ văn cho trẻ em

a) Văn học trẻ em đáp ứng yêu cầu giáo dục

Những nhà văn, nhà hoạt động văn hoá lớn của Liên Xô (cũ) như M.Gorki; C.X.Mikhancôp, M.K.Gupxcaia đều cho rằng sách cho trẻ em về bản chất là phương pháp và biện pháp giáo dục.

Giáo dục ở đây được hiểu theo nghĩa rộng: là công cụ giúp trẻ nhận thức cuộc sống, giúp trẻ cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, xã hội, tâm hồn con người. Những nội dung giáo dục trong văn học dành cho trẻ cần phải được thể hiện rõ ràng. Tính cách, nhân vật phải được thể hiện rõ cái tốt và cái xấu. Thái độ yêu, ghét của tác giả cũng cần phải phân minh.

b) Văn học trẻ em phải đảm bảo tính nghệ thuật của thơ, truyện cho trẻ

Trẻ sẽ chán và không chấp nhận những câu chuyện khô khan như những bài giảng về đạo đức. Nhiều nhà văn, nhà sư phạm đã khẳng định văn học cho trẻ cần được viết một cách có nghệ thuật trong ý nghĩa đặc biệt của nó. Tác phẩm cho trẻ em không phải là hoàn toàn lặp lại tiếng nói của trẻ em mà phải làm giàu thêm vốn hiểu biết và tiếng nói của trẻ. Nó phải được viết một cách rục rờ, trong sáng, nhí nhảnh... (Để mèn phiêu lưu ký- Tô Hoài).

Cái quan trọng không phải kể về những cái gì mà ở chỗ kể như thế nào. Chính vì vậy những tác phẩm hay được trẻ yêu thích không phải là nhiều. Con lộn qua cách miêu tả của Võ Quảng:

Lung mày múp míp
Mắt mày húp híp
Đuôi mày ngúc ngoác
Miệng thì nhóp nhép
Gà mái đẻ nhảy ổ thì thật ngộ nghĩnh:
Bống mái hoa đỏi nét
Cái đầu nó ghéch ghéch
Cái cổ nó thót thót
Nó kêu tốt tốt tốt.

Hồn nhiên, giàu trí tưởng tượng trong cách tư duy của Trần Đăng Khoa:

Cánh diều no gió
Tiếng nó trong ngần
Diều hay chiếc thuyền
Trôi trên sông ngân

(Thả Diều - Trần Đăng Khoa)

Quả dứa đàn lợn con nằm trên cao
Đêm hè hoa nở cùng sao
Tàu dứa chiếc lược chải vào mây xanh

(Cây dứa - Trần Đăng Khoa)

- Tác phẩm cho trẻ khi đạt yêu cầu về giáo dục về nghệ thuật chính là đảm bảo được tính thống nhất giữa nội dung và hình thức văn học.

c) Văn học cho trẻ em phải đảm bảo về tính vừa sức :

Văn học cho trẻ em cần phải tính đến khả năng tâm lý của lứa tuổi, cụ thể là khả năng ngôn ngữ, sức tập trung chú ý, đặc điểm tư duy. Trẻ lớp 1: Đọc truyện tranh. Trẻ lớp 2 + 3: Không nhất thiết phải là truyện tranh nhưng dung lượng bài văn, bài thơ phải vừa phải. Một bài thơ chỉ giới hạn từ 10 - 20 câu. Chuyện kể đơn giản, cốt truyện rõ ràng, số lượng nhân vật ít, có thể là thần thoại. Trẻ lớp 4 + 5: Tư duy phát triển, có nhận thức cao hơn có thể kể những chuyện cổ tích dài hơn: Tấm Cám, truyện ngụ ngôn... có mâu thuẫn, xung đột, nhân vật có tính cách...; thơ gợi sự suy nghĩ, yêu cầu nhận xét. VD: Thầy bói xem voi, Đeo lục lạc cho mèo, Dế mèn phiêu lưu ký, Đất rừng Phương Nam, Mẹ ốm...

hay :

Mái tranh ơi hỡi mái tranh
Ngắm bao nhiêu nắng mà thành quê hương

(Trần Đăng Khoa)

Nắng mưa từ những ngày xưa
Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan...
Sáng nay trời đổ mưa rào
Nắng trong trái chín ngọt ngào bay hương
Cả đời đi gió về sương
Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi...

(Trần Đăng Khoa)

4) Ý nghĩa nhiệm vụ

- Ý nghĩa của văn học đối với trẻ em được quy định từ chính ý nghĩa của văn học từ bản chất nhận thức, thẩm mỹ, giáo dục của văn học.

- Qua bài thơ, câu chuyện trẻ được biết thêm về thế giới xung quanh, về tự nhiên, xã hội. Đó là thế giới của các loài vật, của con người và thiên nhiên: qua truyện cổ tích, thần thoại...

Trẻ biết được phong tục tập quán của dân tộc là gói bánh chưng, bánh dày để lễ tết, tưởng nhớ đến tổ tiên qua chuyện “Bánh chưng, bánh dày”.

- Giúp trẻ nhận thức được những mối quan hệ vốn có của nó: Quan hệ trong gia đình, ngoài xã hội, giáo dục trẻ về lễ sống, về đối nhân xử thế: Cây khế, Tấm Cám...

- Nhiều bài thơ ca ngợi thiên nhiên thông qua sự ca ngợi đó là giáo dục lòng yêu thiên nhiên, yêu con người, giúp trẻ cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương đất nước, yêu quý lao động: Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa).

- Nhiều bài thơ có giá trị thẩm mỹ độc đáo văn học ngoài ý nghĩa tiếp tục với môn học, còn có ý nghĩa tiếp xúc với nghệ thuật ngôn từ: E.U.Tri khê-ê-va, nhà giáo dục học Liên Xô khẳng định rằng trẻ em học được rất nhiều tiếng mẹ đẻ qua văn học, đặc biệt là văn học dân gian.

*** Nhiệm vụ cụ thể:**

1 – Văn học trẻ em giúp trẻ hình thành khả năng cảm thụ văn học

- Sự cảm thụ và khả năng bộc lộ cảm xúc trước các câu chuyện bài thơ xuất phát từ chính nội dung nghệ thuật của thơ, chuyện. Ngay từ bé việc nghe việc nghe chuyện thơ là đã là một nhu cầu nội tại của trẻ.

- Văn học trẻ em giúp trẻ hình thành lòng yêu thích văn học, bồi dưỡng tri thức văn học cho trẻ cũng như khả năng cảm thụ thơ văn của trẻ. Từ đó trí tưởng

tượng của trẻ phát triển, sức sáng tạo văn thơ có thể nảy nở, hình thành ở trẻ em có năng lực, tư chất văn học: Buổi sáng nhà em, Cây dừa...(Trần Đăng Khoa).

2 - Văn học trẻ em góp phần giáo dục đạo đức cho trẻ

Chuyện, thơ như là phương tiện hữu hiệu giáo dục trẻ lòng yêu quê hương, yêu bố mẹ, ông bà, yêu những việc làm tốt, phê phán những việc làm xấu, kính yêu Bác Hồ, chăm làm, thật thà...

Đông Đăng có phố Kỳ Lừa...

Công cha như núi Thái Sơn...

... Ảnh Bác, khi mẹ vắng nhà...

Ở lứa tuổi này trẻ đặc biệt nhạy cảm trước những vấn đề thuộc về tình cảm. Bởi vậy tư tưởng của nhiều bài thơ, câu chuyện đem đến cho trẻ là lòng yêu thương, giáo dục lòng nhân ái cho trẻ: Ảnh Bác, khi mẹ vắng nhà...(Trần Đăng Khoa); ca ngợi tình bạn, tình người: Con chim cu gáy, Con gái người chăn cừu, tục ngữ về đạo đức của nhân dân ta, Nàng Bạch Tuyết và Bảy chú lùn, Cô bé lọ lem, Sự tích chim Quốc...

3 - Văn học trẻ em rèn luyện kỹ năng đọc và kể cho trẻ

Dạy văn học cho thiếu nhi không phải là đọc, kể thơ văn cho trẻ mà còn bao gồm cả việc tập cho trẻ kể lại chuyện, đọc thuộc thơ một cách diễn cảm, đóng các vai trong truyện thơ... Qua đó rèn luyện kỹ năng đọc, kể truyện thơ cho trẻ. Từ đó phát triển vốn ngôn ngữ của trẻ, hoàn thiện dần ngữ âm, ngữ điệu của giọng đọc, lời nói, nắm vững dần các cấu trúc ngữ pháp.

Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Ý nghĩa của tác phẩm văn học đối với đời sống trẻ em.

Câu 2: Nêu đặc trưng của văn học trẻ em.

Câu 3: Vì sao nói: tác phẩm văn học rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm cho trẻ.

Câu 4: Các bộ phận cấu thành của văn học trẻ em?

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

I. KHÁI NIỆM VĂN HỌC DÂN GIAN

Từ thừa tạo sinh và qua quá trình phát triển, có lúc con người ta đứng trước không gian bao la mà ngỡ ngác hỏi nhau:

Trời sinh ra từ đâu?
... Đất sinh ra từ đâu?
... Người sinh ra từ bao giờ?

(Dân ca Lô Lô)

Núi kia ai đắp mà cao
Sông kia ai bới ai đào mà sâu

(Ca dao Việt Nam)

Cho đến hôm nay và cả mai sau con người đã có thể chinh phục thiên nhiên, bay vào vũ trụ làm việc với tốc độ “ngày dài hơn thế kỷ” nhưng suốt cả tiến trình ấy luôn có một dòng văn học như mạch nước ngầm chảy liên tục và “bám sát lịch sử một cách độc đáo” (Gorki), đó là văn học dân gian.

Vậy văn học dân gian là gì: - Thuật ngữ văn học dân gian gồm hai vế:

1. “Văn học”: Chỉ bộ phận sáng tạo nghệ thuật bằng chất liệu ngôn từ.

2. “Dân gian”:

- Lưu hành trong nhân dân bằng cách truyền miệng.

- Đóng vai trò như tính từ chỉ tính chất, vai trò, đặc trưng loại biệt của dòng văn học này.

Trước đây có rất nhiều tên gọi khác nhau để chỉ dòng văn học này: Văn chương bình dân (phân biệt văn chương bác học) - Thanh Lãng, Văn chương truyền khẩu - “Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam” do nhóm Văn Tân biên soạn.

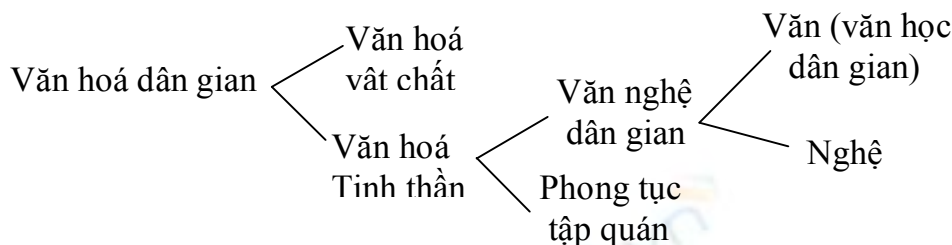
Đến những năm 50 của thế kỷ XX thuật ngữ “văn học dân gian” mới xuất hiện. Năm 1960 thành lập Hội văn nghệ dân gian Việt Nam và năm 1983 “Viện văn hoá dân gian” Việt Nam ra đời tạo điều kiện cho văn học dân gian trở về với cội nguồn phát sinh và phát triển của nó. Vấn đề ở đây là mối quan hệ giữa nghệ thuật ngôn từ và các loại hình nghệ thuật khác: Liên quan đến thuật ngữ folklore (- Folk: nhân dân, - Lore: Sự hiểu biết, khoa học) do nhà nhân chủng học người Anh là Uyliam Tôm Giôn (bút danh Mecton) đưa ra lần đầu tiên năm 1846.

Chung quy có hai quan điểm hiểu và sử dụng thuật ngữ này.

1- Folklore là tất cả các hiện tượng của nền văn hoá tinh thần và văn hoá vật chất.

2 - Folklore chỉ giới hạn trong khuôn khổ những sáng tác ngôn từ truyền miệng (sáng tác văn học) của nhân dân.

Như vậy thuật ngữ folklore khi chuyển dịch sang tiếng Việt có những tên gọi: “Văn hoá dân gian”, “Văn nghệ dân gian”, “Văn học dân gian”. Có thể phân biệt ba khái niệm:



• Định nghĩa:

Văn học dân gian là thành phần nghệ thuật ngôn từ trong sáng tác có tính chất tổng hợp của nhân dân lao động, hay: văn học dân gian là những thể loại sáng tác dân gian trong đó thành phần nghệ thuật ngôn từ (tức thành phần văn học) chiếm vị trí quan trọng, song bao giờ nó cũng có mối quan hệ hữu cơ với các thành phần nghệ thuật và phi nghệ thuật khác (lời, nhạc điệu - vũ điệu)

Định nghĩa này chỉ ra được tác giả của nó là nhân dân lao động và chỉ ra được phương tiện vật chất là nghệ thuật ngôn từ. (Khác văn học viết ngôn từ mang tính chất thuần túy, còn ở đây ngôn từ mang tính chất tổng hợp).

II. ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Thời điểm phát sinh

So với văn học viết thì văn học dân gian ra đời trước và rất sớm, còn văn học viết ra đời khi có chữ viết xuất hiện (thế kỷ X).

Thời điểm phát sinh của văn học dân gian gắn liền với nguồn gốc của văn học nghệ thuật. Văn học dân gian ra đời từ thời kỳ công xã nguyên thuỷ khi con người còn chưa có sự phân công lao động (chân tay, trí óc) hoặc chỉ là sự phân công lao động ở trình độ thấp. Đặc tính chung bao trùm của văn học dân gian là tính nguyên hợp (syncretique).

2. Chức năng

- Cũng như văn học nói chung, văn học dân gian có đầy đủ các chức năng: Nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, giao tiếp, giải trí, thông báo.

Ngoài ra văn học dân gian còn có chức năng riêng biệt: chức năng thực hành (sinh hoạt). Văn học dân gian nảy sinh từ những hoạt động thực hành (sản xuất, chiến đấu, nghi lễ, trao đổi tâm tình...), đến lượt nó văn học dân gian lại phục vụ các hoạt động thực hành một cách đặc lực.

Nói cách khác, văn học dân gian hình thành nhằm đáp ứng những nhu cầu khác nhau của con người. VD: đáp ứng nhu cầu nhận thức, lý giải thiên nhiên, tự nhiên thần thoại ra đời, đúc kết kinh nghiệm sản xuất có tục ngữ, nhu cầu tình cảm có ca dao. Do chức năng thực hành chi phối văn học dân gian gắn chặt với đời sống. VD: từ trong lao động xuất hiện các điệu hò (hò giã gạo, hò kéo lưới, kéo gổ...), từ trong sinh hoạt gia đình xuất hiện các điệu ru con, ru cháu...

- Là một loại hình có tính nguyên hợp văn học dân gian đảm nhiệm, nhiều chức năng khác ngoài chức năng của văn học như: Sử học, tâm lý học, giáo dục học, xã hội học, dân tộc học, y học...

Văn học dân gian như cái túi vạn năng đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người. Tính nhiều chức năng của văn học dân gian tạo cho nó đặc điểm nặng về khái quát hoá lại nhẹ về cá thể hoá (nhân vật không có cá tính...)

3. Các thuộc tính cơ bản

a) Truyền miệng và biểu diễn:

- Truyền miệng là một thuộc tính dễ nhận thấy và được nhận thức sớm nhất của văn học dân gian. Truyền miệng là phương thức tồn tại của văn học dân gian. Từ việc sáng tác đến lưu truyền và phổ biến đều bằng phương tiện truyền miệng.

Truyền miệng là phương thức sản xuất của văn học dân gian, cùng song song tồn tại với phương thức văn bản của văn học viết. Hai phương thức này không hề loại trừ nhau và thay thế nhau mà nó bổ sung và quan hệ với nhau.

- Tính biểu diễn: (diễn xướng) của văn học dân gian là một thuộc tính mới được nhận thức khi nghiên cứu nétg mối quan hệ văn nghệ dân gian. Văn học dân

gian được truyền miệng thông qua sự biểu diễn của nhân dân. Với tư cách là một nghệ thuật biểu diễn hơn là của một nghệ thuật sân khấu.

Trên thực tế nhân dân kể chuyện cổ tích chứ không phải đọc, hát ca dao chứ không phải đọc ca dao, diễn chèo chứ không kể chèo. Sự biểu diễn của văn học dân gian khác với biểu diễn mang tính chất chuyên nghiệp. Văn học dân gian tồn tại và phát triển trước hết là vì nhu cầu được sáng tác (trong lĩnh vực sản xuất tinh thần chưa chuyên môn hoá) của chính những người sáng tác và diễn xướng của chính nhân dân lao động sau đó mới đến nhu cầu thưởng thức văn nghệ. Đối với văn học dân gian người biểu diễn và người thưởng thức có khi chỉ là một văn học dân gian đáp ứng nhu cầu tự bộc lộ (biểu hiện) ở mỗi người. Văn học dân gian chỉ tồn tại một cách sinh động và thực sự đầy đủ trong sự biểu diễn của nhân dân trong cuộc sống.

Văn học dân gian tồn tại một cách sinh động trong cuộc sống, trong dạng thức biểu diễn gọi là: *folklore sống động*. Văn học dân gian tồn tại trên sách vở : *Folklore tĩnh tại*.

b) Tính tập thể và vô danh

- Nói đến tính tập thể là chúng ta vừa nói đến một hình thức đặc trưng của sự sản xuất nghệ thuật, lại nói cả về phương diện là một phạm trù thẩm mỹ của văn học dân gian.

- Về phương thức sáng tác: Mỗi tác phẩm văn học dân gian là sự gia công của nhiều người qua nhiều thế hệ khác nhau. Tuy nhiên, sự sáng tạo tập thể ở đây không hề đối lập với vai trò cá nhân.

Những bộ sử thi lớn của thế giới như Iliat - Ôđixê (Hy Lạp) Ramayana, Mahabharata (Ấn Độ), Đẻ đất đẻ nước, Đam San (Việt Nam) thường là kết quả sáng tác của nhiều người qua nhiều thế hệ, nhiều vùng quê khác nhau nhưng không loại trừ vai trò của những người có học vấn. Có thể ban đầu là sáng tác của một người nhưng do quá trình lưu truyền phù hợp với tâm lý của nhân dân quần chúng, được nhiều người chấp nhận, nhiều người gia công, lưu truyền, sửa chữa trở thành tác phẩm tập thể và người sáng tác ban đầu bị lãng quên.